

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2018/HSST
Ngày 20-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Huy Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Bê và ông Nguyễn Thế Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Mai Hương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16, 20 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2018/HSST ngày 31 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/HSST-QĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/HSST-QĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/HSST-QĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

Vũ Đức C, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1984 tại thôn Dương Xá, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: thôn Dương Xá, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ học vấn lớp 12/12; dân tộc Kinh; giới tính Nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Vũ Đức Bào, sinh năm 1954 và con bà Vũ Thị Lượng, sinh năm 1959 có vợ Nguyễn Thị Hương và có 01 con sinh ngày 16 tháng 12 năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12, sau đó đi học tại trường Cao đẳng quản trị kinh doanh tại Hà Nội, ra trường đi làm tại tỉnh Lai Châu và thành phố Hà Nội.

- Bị cáo không bị bắt, tạm giữ, tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

- Người bào chữa cho bị cáo Vũ Đức C:

Ông Nguyễn Hải Nam và ông Trần Việt Hùng, Luật sư Văn phòng Luật sư Trí

Việt thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

2: **Vũ Đức B.** sinh năm 1981, tại thôn Dương Xá, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: thôn Dương Xá, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ học vấn lớp 12/12; dân tộc Kinh; giới tính Nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Vũ Đức Bào, sinh năm 1954 và con bà Vũ Thị Lượng, sinh năm 1959; có vợ Đặng Hồng Thái, sinh năm 1981 và có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi cho ăn học hết lớp 12/12, sau đó nghỉ học ở nhà lao động tự do tại địa phương.

- Bị cáo không bị bắt, tạm giữ, tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Đức B: Bà Trần Thị Dung, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Phạm Hoan và cộng sự Đoàn luật sư tỉnh Thái Bình.

Người bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1989 “vắng mặt”.

Trú tại: Thôn Rường Trục 2, xã Nam Thắng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

2. Anh Nông Văn H, sinh năm 1992 “vắng mặt”.

Trú tại: Thôn Khòm Mùm, xã Nam Quan, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

Người làm chứng:

1. Anh Đặng Văn C1, sinh năm 1984 “vắng mặt”.

2. Anh Vũ Văn Bình, sinh năm 1987 “vắng mặt”.

Đều trú tại: thôn Dương Xá, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

3. Anh Lương Văn T, sinh năm 1980 “vắng mặt”.

Trú tại: thôn Tân Hưng, xã Nam Thắng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

4. Anh Vũ Đức H, sinh năm 1977 “vắng mặt”.

Trú tại: thôn Dương Xá, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

5. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993 “vắng mặt”.

Trú tại: Khu Đặng, thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

6. Anh Đặng Viết C1, sinh năm 1969 “vắng mặt”.

7. Chị Đặng Thị Thái, sinh năm 1981 “vắng mặt”.

Cùng trú tại: thôn Dương Xá, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

8. Anh Nguyễn Minh Hưng, sinh năm 1986 “vắng mặt”.

Trú tại: thôn Dương Xá, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 10/6/2017 nhóm máy gặt của Vũ Đức B, Vũ Đức C (là em trai của B); Đặng Văn C (là anh vợ của B) và Đặng Thị Thái (là vợ của B) điều khiển máy gặt lúa từ nhà B ra cánh đồng lúa của thôn Bắc Sơn, xã Hồng An, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình để gặt thuê cho nhân dân. Do ruộng lúa còn ướt sương nên B đổ máy gặt ở vĩa hè phía bên trái đường theo hướng từ đền Trần ra đường Thái Hà thuộc thôn Đoan Bản, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Lúc này, anh Nguyễn Văn Th điều khiển máy gặt từ sân Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và thương mại Phương Anh ra đoạn đường trước cổng công ty, đổ cách máy gặt của B khoảng 100 mét cùng anh Lương Văn T, anh Nông Văn H, anh Nguyễn Minh Hưng và anh Vũ Đức H. Do máy bị hỏng nên mọi người trong nhóm của anh Th tập trung sửa máy. Khi sửa máy, ông Đặng Viết C1 (là bảo vệ của công ty Phương Anh) đi xe máy nhãn hiệu Hon da Wave màu trắng từ phía vòng xuyên về qua chỗ máy gặt của anh Th đứng nói chuyện, sau đó ông C1 đi về, trên đường đi ngang qua chỗ máy gặt của B, ông C1 dừng xe xuống hỏi B “*tý máy gặt ở đâu*”, B trả lời “*vâng tý chúng cháu gặt ở đây*”, thấy vậy ông C1 vừa nói vừa chỉ tay vào máy gặt của Th và nói “*tý máy kia cũng gặt ở đây đấy*”. B lấy xe máy của ông C1 đi đến chỗ máy gặt của anh Th hỏi “*máy gặt này gặt ở đâu*”, thì anh H trả lời “*máy này tý gặt ở đây*” và lên xe máy đi về nhà, B cũng điều khiển xe máy đi theo sau.

Khi về đến gần chỗ đổ máy gặt của mình, B điều khiển xe quay lại chỗ đổ máy gặt của anh Th và dừng xe ngay sát chỗ anh H đang ngồi sửa lưỡi cắt máy gặt, tay trái anh H cầm 01 đoạn tuýp sắt dài 0,55m, một đầu bẹt và tay phải cầm 01 đoạn kim loại sơn màu đen dài 0,28m có 01 đầu nhọn và một đầu hình chữ T (dụng cụ tháo ốc vít, sửa máy gặt). Khi thấy anh H đứng lên, hai tay vẫn cầm các dụng cụ sửa máy trên, B có nói với anh H “*mày giỏi thì mày đánh đi*”, anh H nói “*Em có biết gì đâu mà đánh*” và lùi lại ra giữa đường. B lao vào dùng 2 tay giật chiếc tuýp sắt trên tay trái của anh H nên đầu bẹt của tuýp sắt đã làm ngón tay cái trên bàn tay phải của B rách da chảy máu. B dùng tay trái đâm về phía anh H, anh H cũng dùng đoạn kim loại sơn màu đen đâm vào vùng bụng của B nhưng đều không trúng.

Sau khi giật được chiếc tuýp sắt từ tay anh H thì B cầm tuýp sắt giơ lên vụt về phía anh H. Thấy vậy, anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993, trú tại: khu Đặng Xá, thị trấn Hưng Nhân đến ôm B kéo ra để can ngăn nên phần đầu ngoài của tuýp sắt đã trúng vào đuôi mắt phải của anh T nên anh T không ôm B nữa.

Khi B xô xát với anh H có người hô “*Đánh nhau rồi*”, C nhìn thấy B và nhóm máy gặt của anh Th đang xảy ra xô xát, cãi nhau nên trèo lên máy gặt của B lấy từ trong bao đựng dụng cụ ra 01 đoạn tuýp sắt dài khoảng 90cm (đoạn tuýp này có một đầu C dùng máy cắt, cắt một đường dài khoảng 20cm sau đó đập dẹp thành một mặt phẳng, gấp một mép vào tạo thành sóng phía bên trên, phần phía dưới được mài sắc như lưỡi dao, phần đầu không được mài sắc và tày) dùng để phát cỏ cây và cây bừa ở xích máy gặt để lên bụng xe máy nhãn hiệu Novo và điều khiển đến chỗ đổ máy gặt của anh Th.

C thấy tay của B bị chảy máu và anh H đang cầm 01 đoạn kim loại sơn màu đen nên C cầm tuýp sắt chạy lại chỗ H. Lúc này, thấy B đánh anh H, anh Th vào dùng tay trái kéo B ra và dùng tay phải đâm vào quai hàm bên trái của B, B dùng tuýp sắt vụt về phía anh Th làm anh Th bị ngã xuống đất nghiêng người về bên trái ngay gần chỗ máy gặt của mình. B tiếp tục dùng tuýp sắt vụt liên tiếp 2 đến 3 cái về phía anh Th trúng vào phần tay trái, bả vai phải và chân anh Th.

C dùng đầu tròn của tuýp sắt vụt anh H một cái theo hướng từ trên xuống dưới, từ trái qua phải thì anh H cầm đoạn kim loại sơn màu đen giơ lên và đỡ được. Sau đó, C quay lại nhìn thấy anh Th đang chuẩn bị ngồi dậy nên C quay đầu sắc của tuýp sắt chém 1 cái về phía anh Th, anh Th giơ 2 tay lên đỡ nên đầu sắc của tuýp sắt trúng vào vùng cổ tay phải anh Th. Anh Th dùng hai tay túm đầu tuýp sắt để không cho C tiếp tục đánh mình, anh Th và C giằng co nhau đoạn tuýp sắt, quá trình giằng co, phần đầu tày của tuýp sắt đã chọc vào ngực trái của anh Th. Khi C dùng tay giật mạnh đoạn tuýp sắt thì phần sắc của tuýp sắt cắt vào gan bàn tay trái của anh Th làm chảy máu.

Cùng lúc, C thấy anh H tay đang cầm đoạn kim loại sơn màu đen đi đến, nghĩ anh H lao vào đánh mình nên C đã giơ phần sắc của tuýp sắt, chém một cái vào vùng đầu của anh H. Anh H nắm được phần giữa của tuýp sắt, hai bên giằng co nhau, C đẩy anh H đến sát dải phân cách của đường làm anh H trượt chân ngã nên đầu sắc của tuýp sắt trúng vào vùng đầu của anh H gây thương tích. C và anh H tiếp tục giằng co nhau trên phần giữa dải phân cách thì được anh Đặng Viết C1 can ngăn, giằng tuýp sắt của C ném xuống dải phân cách và giằng đoạn kim loại sơn màu đen của anh H nộp cho Công an xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Anh H, anh Th và B được mọi người đưa đi cấp cứu, điều trị.

Hậu quả: Anh Th bị thương tích vùng cẳng tay phải (sát cổ tay), bàn tay trái, vùng ngực trái, bả vai phải và cẳng tay trái; anh H bị thương tích vùng đầu và vùng phía sau tai phải; B bị thương ở ngón cái bàn tay phải.

- Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 95/17/TgT ngày 17/8/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Thái Bình đối với thương tích của anh Nông

Văn H, kết luận: Thương tích vùng đầu do vật sắc tác động, vùng phía sau tai phải do vật tày cứng tác động, đã được xử trí: Khâu cầm máu, phục hồi vết thương, dùng các loại thuốc: Kháng sinh, giảm đau, tuần hoàn não, chăm sóc vết thương hàng ngày. Hiện tại: còn đau đầu từng lúc, đau nhiều về đêm, kèm theo hoa mắt chóng mặt, buồn nôn, ăn ngủ kém. Kết quả khám chuyên khoa thần kinh: Chấn động não điều trị không ổn định. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 17% (Vùng đầu: 15%, vùng sau tai phải: 2%).

- Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 96/17/TgT ngày 17/8/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Thái Bình đối với thương tích của anh Nguyễn Văn Th, kết luận: Thương tích vùng cẳng tay phải (sát cổ tay) và bàn tay trái do vật sắc tác động, thương tích vùng ngực trái, bả vai phải và cẳng tay trái do vật tày cứng tác động làm đứt gân cơ duỗi, gân cơ dạng ngón I bàn tay phải, gãy rạn 1/3 dưới xương trụ trái, đã được xử trí: Phẫu thuật nối gân, khâu cầm máu phục hồi các vết thương, đặt nẹp cố định cẳng bàn tay phải, dùng các loại thuốc: Kháng sinh, giảm đau, tuần hoàn não, chăm sóc vết thương hàng ngày. Hiện tại còn đau đầu từng lúc, đau nhiều về đêm, cảm giác đau tê các đầu ngón tay I, II bàn tay phải; ngón I bàn tay phải: hạn chế các động tác xoay vòng, duỗi, gập ngón tay (cứng khớp đốt - bàn). Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 26% (vết thương vùng cẳng tay phải: 13%; vết thương vùng cẳng tay trái – có gãy rạn xương trụ: 07%; vết thương vùng gan bàn tay trái: 04%; vết thương vùng bả vai phải: 01%; vết thương vùng ngực trái: 01%).

- Công văn số 01/CV-TTPY, ngày 03/01/2018 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thái Bình: ...Tại vùng cằm bên trái, hiện tại không có dấu vết gì (đa vết thương nông vùng đầu mặt). Theo Điều 2, mục 3: Tỷ lệ % TTCT được xác định tại thời điểm hiện tại, do vậy tại vùng cằm bên trái của Nguyễn Văn Th, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 0%.

- Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 145/17/TgT ngày 07/12/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Thái Bình đối với thương tích của anh Vũ Đức B, kết luận: Thương tích vùng bàn tay phải do vật tày cứng tác động, đã được xử trí: Khâu cầm máu, phục hồi vết thương; dùng các loại thuốc kháng sinh, giảm đau, chống phù nề, chăm sóc vết thương hàng ngày. Hiện còn đau đầu từng lúc, đau nhiều về đêm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 03%.

Bản cáo trạng số 57/KSĐT ngày 30-7-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình truy tố Bị cáo **Vũ Đức C** về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104, thuộc trường hợp quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 truy tố bị

cáo **Vũ Đức B** về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa: đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố và luận tội và tranh luận: Mặc dù tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Vũ Đức B không nhận phạm tội cố ý gây thương tích cho anh Nguyễn Văn Th, nhưng quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo B có khai nhận: B quay lại cầm tuýp sắt giơ lên đánh về phía anh Th 03 đến 04 nhát, trong đó 01 nhát trúng vào cẳng tay bên trái, 01 nhát vào bả vai bên phải của anh Th, kết quả anh Th bị thương tích 8% (vùng cẳng tay trái 7%; vùng bả vai phải 01%). Hành vi của Vũ Đức B có đủ yếu tố cấu thành tội cố ý gây thương tích. Do đó Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với Vũ Đức B về tội “Cố ý gây thương tích”. Ngày 27/8/2018 bị cáo B cùng với bị cáo C bồi thường cho anh Nguyễn Văn Th 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), anh Nguyễn Văn Th đã có đơn rút yêu cầu khởi tố và đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo B. Đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo Vũ Đức B về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 và giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Vũ Đức C như tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản cáo trạng.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Vũ Đức C phạm tội “Cố ý gây thương tích” áp dụng khoản 2 Điều 104, thuộc trường hợp quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 27-8-2018 bị hại anh Nguyễn Văn Th đã có đơn xin rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo Vũ Đức B và việc rút yêu cầu của bị hại là tự nguyện không bị ép buộc, cưỡng bức theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Kiểm sát viên rút Quyết định truy tố bị cáo Vũ Đức B về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Luật sư bào chữa cho Bị cáo C: Nhất trí với bản cáo trạng và nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà đề nghị Hội đồng xét xử không buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù và cho hưởng án treo. Ông luật sư cho rằng bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải bị cáo đã có ý thức bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, là lao động duy nhất trong

gia đình và đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi và bị hại (anh Th, anh H) xin miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 104 và khoản 1 khoản 2 Điều 51 Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để xét xử bị cáo C mức án thấp nhất và cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với quy định của pháp luật và diễn biến tại phiên tòa.

Luật sư bào chữa cho Bị cáo B: Nhất trí với phần rút Quyết định truy tố bị cáo B và đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ vụ án đối với bị cáo B

Lời nói sau cùng bị cáo C khai nhận, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và được hưởng án treo để bị cáo lao động và chăm sóc con.

Lời nói sau cùng bị cáo B khai nhận: Bị cáo không phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hưng Hà, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội:

B bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường do Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình lập ngày 10/6/2017. B bản thực nghiệm hiện trường, bản ảnh thực nghiệm điều tra. B bản đối chất giữa Vũ Đức B với Vũ Đức C; Vũ Đức B với anh Nguyễn Văn Th, Vũ Đức B với anh Nông Văn H, Vũ Đức B với anh Nguyễn Minh Hưng.

Đơn đề nghị và B bản ghi lời khai của người bị hại: anh Nguyễn Văn Th và anh Nông Văn H. Giấy chứng nhận thương tích của Bệnh viện Đa khoa Hưng Nhân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình và Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 95/17/TgT ngày 17/8/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Thái Bình đối với thương tích của anh Nông

Văn H. Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 96/17/TgT ngày 17/8/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Thái Bình đối với thương tích của anh Nguyễn Văn Th. Công văn số 01/CV-TTPY ngày 03/01/2018 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thái Bình. B bản quản lý đồ vật, tài sản do Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình lập ngày 13/6/2017.

Lời khai của người làm chứng: anh Đặng Văn C1, anh Vũ Văn Bình, anh Vũ Đức H, anh Đặng Viết C1 và chị Đặng Thị Thái, anh Lương Văn T, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Minh Hưng.

Do có mâu thuẫn trong việc tranh giành địa điểm gặt lúa giữa Vũ Đức B, và anh Nguyễn Văn Th nên khoảng 08 giờ, ngày 10/6/2017, tại khu vực đường đá thuộc thôn Đoan Bản, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, B đã có hành vi dùng 01 đoạn tuýp sắt dài 0,55m, một đầu bẹt vút 01 nhát trúng vào cẳng tay bên trái, 01 nhát trúng vào bả vai bên phải gây thương tích 8% cho anh Nguyễn Văn Th (trong đó vùng cẳng tay trái: 07%; vùng bả vai phải: 01%). Do đó bị cáo B đã phạm tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 và sửa đổi bổ sung năm 2009.

Bị cáo Vũ Đức C đến và đã có hành vi dùng 01 đoạn tuýp sắt dài khoảng 90cm hướng đầu sắc đánh về phía anh H, anh H dùng tay tóm được tuýp sắt của C và giằng co đùn đẩy đầu sắc của tuýp sắt cửa vào đỉnh đầu của anh H thương tích 15%; bị cáo C dùng tuýp sắt đánh 01 nhát từ trên xuống dưới trúng vào cổ tay phải, gây rách da gan bàn tay trái và đầu tuýp sắt chọc vào ngực bên trái của anh Th và gây thương tích 18% cho anh Nguyễn Văn Th (trong đó thương tích vùng cẳng tay phải: 13%; thương tích vùng gan bàn tay trái: 04%; thương tích vùng ngực trái: 01%).

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi dùng tuýp sắt mà bị cáo C thực hiện đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện bị cáo không có tiền án, tiền sự, bị cáo nhất thời phạm tội. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường thiệt hại và đã khắc phục hậu quả; hiện nay là lao động chính trong gia đình. Bản thân bị cáo rất tích cực hợp tác với người bị hại để khắc phục hậu quả, là lao động duy nhất trong gia đình và đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, khắc phục hậu quả và được bị hại là anh Th, anh H xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo C hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy

không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị Quyết số: 02/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đối với Bị cáo C.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo C không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo C phạm tội với lỗi cố ý không mong muốn hậu quả xảy ra có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng cần thiết phải nên hình phạt tù đối với bị cáo nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy không cần bắt bị cáo C phải chấp hành hình phạt tù vì Bị cáo C có khả năng tự cải tạo tại địa phương và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo C, B cùng gia đình đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại số tiền 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

[8] Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viên kiểm sát buộc bị cáo C phải chấp hành hình phạt nhưng cho hưởng án treo không nhất thiết phải cách ly khỏi xã hội và chấp nhận chứng cứ gỡ tội của ông luật sư. Vì bị cáo C thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý; mức hình phạt bà Kiểm sát viên đề nghị không quá 03 năm tù; có nhân thân tốt; có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 46 và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; có nơi cư trú rõ ràng. Do đó cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 2 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đối với bị cáo C.

[5] Do bị hại anh Nguyễn Văn Th, anh Nông Văn H đã có đơn xin rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo Vũ Đức B và việc rút yêu cầu của bị hại là tự nguyện không bị ép buộc, cưỡng bức theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Kiểm sát viên rút Quyết định truy tố bị cáo Vũ Đức B về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Cần đình chỉ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 55/2018/TLST-HS, ngày 31-7-2018 đối với bị cáo Vũ Đức B theo quy định điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Anh Nguyễn Văn Th đã rút yêu cầu khởi tố thì không có quyền yêu cầu lại;

Cần hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 31/LCCT-TA, ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đối với bị cáo B.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Gia đình và bản thân các bị cáo C, B đã cố gắng khắc phục hậu quả bồi thường cho anh Th, anh H mỗi người là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng). Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bị cáo và người bị hại không bị lừa dối, không bị ép buộc. Căn cứ vào các Điều 192, 193, 194 Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận này của bị cáo và bị hại

Người bị hại. Anh Th, anh H không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự

[5] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Vũ Đức B không nhận tội

[6] **Về xử lý vật chứng:** 02 chiếc dép, loại dép tông màu đen nhãn hiệu Hawaii đã qua sử dụng; 01 đoạn tuýp sắt kích thước dài 0,55m, một đầu bẹt, 01 đoạn kim loại sơn màu đen dài 0,28m có 01 đầu nhọn và một đầu hình chữ T; 01 chiếc áo hình màu rắn di không có còn giá trị sử dụng; 01 chiếc áo dài tay, có mũ, loại áo chống nắng không còn giá trị sử dụng; 01 máy cắt nhãn hiệu Bosch màu xanh đã qua sử dụng.

[7] Bị cáo C được nhận lại số tiền đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự theo B lai thu tiền

[8]

[7] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo C, người bị hại anh Th, anh H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Đức C phạm tội "Cố ý gây thương tích".
2. Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm h, s khoản 1 Điều 46 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.
3. Xử phạt bị cáo Vũ Đức C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án (20-11-2018).

3. Giao người được hưởng án treo (Vũ Đức C) cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình nơi người đó cư trú, làm việc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách:

4. Trong trường hợp người được hưởng án treo (Vũ Đức C) thay đổi nơi làm việc, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. “Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

5. Áp dụng khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

6. Đình chỉ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 55/2018/TLST-HS, ngày 31-7-2018 đối với bị cáo Vũ Đức B theo quy định điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

7. Anh Nguyễn Văn Th đã rút yêu cầu khởi tố thì không có quyền yêu cầu lại đối với Vũ Đức B;

8. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo C được nhận lại số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo B lai thu tiền sô

9. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Trả lại bị cáo 02 chiếc dép, loại dép tông màu đen nhãn hiệu Hawaii đã qua sử dụng; 01 máy cắt nhãn hiệu Bosch màu xanh đã qua sử dụng.

01 đoạn tuýp sắt kích thước dài 0,55m, một đầu bẹt, 01 đoạn kim loại sơn màu đen dài 0,28m có 01 đầu nhọn và một đầu hình chữ T; 01 chiếc áo hình màu rằn di không có còn giá trị sử dụng; 01 chiếc áo dài tay, có mũ, loại áo chống nắng không còn giá trị sử dụng;

(Vật chứng trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đang quản lý).

10. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Vũ Đức C, người bị hại anh Nguyễn Văn Th phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

11. Về quyền kháng cáo: Bị cáo C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo B có quyền kháng cáo trong hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Th, anh Nông Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Ngoài ra anh Th còn có quyền kháng cáo trong thời hạn 07 ngày đối với đình chỉ của bị cáo B.

Nơi nhận:

- VKSNDND tỉnh Thái Bình;
- TANDND tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình
- Những người tham gia tố tụng;
- Công an huyện Hưng Hà;
- Viện kiểm sát ND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Trần Huy Hoàng**